TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST
Ngày: 10-02-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: số B, đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1976; cư trú tại: tổ A, khu phố A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ: Chuyên viên kiểm soát rủi ro Ngân hàng S1 Chi nhánh B, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 12 năm 2025), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ M, sinh năm 1992; cư trú tại: tổ A, ấp X, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2025 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S1), quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa, ông Mai Xuân T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, bà Nguyễn Thị Lệ M có ký với Ngân hàng S1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2813830 kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của Ngân hàng S1, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 2813830 với hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 33,2%/năm, tương đương 2,766%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 81.326.417 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền 41.460.645 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả số nợ còn lại. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, ngày 05 tháng 06 năm 2025, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà M và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10 tháng 02 năm 2026, bà M còn nợ Ngân hàng S1 tổng số tiền là 51.307.748 đồng, gồm: nợ gốc là 38.125.748 đồng, lãi quá hạn (2,766%/tháng x 150% = 4,149%/tháng) là 13.182.000 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng S1, Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải trả ngay cho Ngân hàng S1 tổng số tiền tính đến ngày 10 tháng 02 năm 2026 là 51.307.748 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11 tháng 02 năm 2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: các bên phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

[3] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng tín dụng là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại tổ A, ấp X, xã B, Thành

phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[5] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2813830 ngày 12 tháng 7 năm 2023 kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, hiệu lực từ ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng S1 do Ngân hàng S1 cung cấp cho Tòa án (bút lục 15 đến 18, 44 đến 49), có chữ ký và chữ viết họ tên của bà M, thể hiện Ngân hàng S1 cấp tín dụng (cho vay) cho bà M dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng (Visa Classic) với hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho bà M theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được coi là hợp lệ. Tuy nhiên, bà M không đến Tòa để tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng S1. Mặc nhiên, bà M đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do Ngân hàng S1 đưa ra. Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa các bên là có thật, là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2813830 ngày 12 tháng 7 năm 2023 kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của Ngân hàng S1 có nội dung thỏa thuận phù hợp với Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Điều 90, Điều 91 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, phù hợp với các quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1 theo Điều 5 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Nay, Ngân hàng S1 yêu cầu bà M phải trả cho Ngân hàng S1 tổng số tiền tính đến ngày 10 tháng 02 năm 2026 là 51.307.748 đồng (nợ gốc: 38.125.748 đồng, nợ lãi quá hạn: 13.182.000 đồng). Xét yêu cầu này của Ngân hàng S1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà M phải trả cho Ngân hàng S1 tổng số tiền tính đến ngày 10 tháng 02 năm 2026 là 51.307.748 đồng.

[5.2] Ngân hàng S1 yêu cầu bà M phải trả cho Ngân hàng S1 lãi phát sinh từ ngày 11 tháng 02 năm 2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và

được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: *"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"*.

Xét tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 08/2016/AL, chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng S1, buộc bà M phải trả cho Ngân hàng S1 tiền lãi phát sinh từ ngày 11 tháng 02 năm 2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1.

[8] Về án phí:

Ngân hàng S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, Điều 91 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng

kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Lệ M về tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 10 tháng 02 năm 2026 là 51.307.748 đồng (năm mươi mốt triệu ba trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc: 38.125.748 đồng (ba mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) và nợ lãi quá hạn: 13.182.000 đồng (mười ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2026, bà Nguyễn Thị Lệ M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Lệ M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 996.644 đồng (chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0032319 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Bà Nguyễn Thị Lệ M phải chịu 2.565.387 đồng (hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến